|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN  **TRƯỜNG THPT TRIỆU QUANG PHỤC**  **-------------------------------------**  **ĐỀ SỐ O1** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2021-2022**  **MÔN ĐỊA LÍ 12**  Thời gian: 45 phút  *(Đề có 40 câu TN)* |

Họ và tên………………………………………. Lớp……………...……..SBD………………………….

Câu 1: Vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của các nước ven biển là

vùng tiếp giáp lãnh hải.

vùng nội thủy.

vùng lãnh hải.

vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 2: Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ

đất liền và các hải đảo.

đồi núi và đồng bằng.

biên giới và hải đảo.

vùng trời và vùng biển.

Câu 3: Vùng núi nào sau đây có địa hình cao nhất nước ta?

Tây Bắc.

Đông Bắc.

Trường Sơn Bắc.

Trường Sơn Nam.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây không đúng với Biển Đông?

Độ sâu đồng đều.

Biển tương đối kín.

Tính chất nhiệt đới ẩm.

Là một biển rộng.

Câu 5: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta thể hiện ở

nhiệt độ trung bình năm cao.

mùa đông nhiệt độ hạ thấp.

cân bằng bức xạ luôn âm.

tổng số giờ nắng rất thấp.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây không đúng về sự biến động tài nguyên rừng nước ta trong những năm gần đây.

Diện tích rừng trồng ổn định.

Tổng diện tích rừng giảm.

Diện tích rừng tự nhiên giảm.

Độ che phủ rừng tăng.

Câu 7: Biện pháp nào sau đây giúp bảo vệ tài nguyên đất ở vùng đồi núi nước ta?

Làm ruộng bậc thang.

Chống xâm nhập mặn.

Chôn lấp chất thải.

Bón phân hóa học.

Câu 8: Sông ngòi nước ta có đặc điểm

Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều nước.

Mạng lưới sông ngòi dày đặc, ít nước.

Mạng lưới sông ngòi dày đặc, chế độ nước phụ thuộc băng tuyết tan.

Mạng lưới sông ngòi dày đặc, ít phù sa.

Câu 9: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí hậu Lạng Sơn thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

Đông Bắc Bộ.

Tây Bắc Bộ.

Bắc Trung Bộ.

Tây Nguyên.

Câu 10: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

Bắc Trung Bộ.

Tây Nguyên.

Nam Trung Bộ.

Nam Bộ.

Câu 11: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Cầu thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

Sông Thái Bình.

Sông Hồng.

Sông Thu Bồn.

Sông Mê Công.

Câu 12: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây chiếm tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất ở nước ta?

Sông Hồng.

Sông Mã.

Sông Đồng Nai.

Sông Mê Công.

Câu 13: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Mã đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

Lạch Trào.

Lạch Giang.

Gianh.

Nhật Lệ.

Câu 14: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào sau đây phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu?

Đất phù sa sông.

Đất phèn.

Đất mặn.

Đất cát biển.

Câu 15: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia Vũ Quang thuộc thảm thực vật nào sau đây?

Rừng kín thường xanh.

Rừng thưa.

Rừng tre nứa.

Rừng ngập mặn.

Câu 16: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm thuộc phân khu địa lí động vật nào sau đây?

Trung Trung Bộ.

Đông Bắc.

Tây Bắc.

Bắc Trung Bộ.

Câu 17: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên có

nền nhiệt độ cao, nhiều ánh nắng.

vùng biển rộng với nhiều quần đảo.

mùa Đông lạnh, có nhiều tuyết rơi.

nhiều đồi núi, có cả các dãy núi cao.

Câu 18: Khu vực Đồng bằng sông Hồng **không** có đặc điểm nào sau đây?

Phần lớn diện tích đồng bằng là đất cát, mặn.

Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

Đã được con người khai thác từ lâu đời.

Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm vùng núi Đông Bắc?

Địa hình đồi núi thấp, vòng cung ra phía đông.

Cao nhất nước ta, hướng núi chính tây bắc - đông nam.

Gồm các dãy núi song song và so le, thấp và hẹp ngang.

Gồm các khối núi và cao nguyên, bất đối xứng hai sườn.

Câu 20: Nhân tố nào sau đây quy định tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta?

Hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương.

Nằm gần trung tâm của khu vực châu Á gió mùa.

Thuộc khu vực múi giờ số 7, tiếp giáp biển Đông.

Câu 21: Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc có đặc điểm nào sau đây?

Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Nhiệt độ trung bình năm trên 250C .

Không tháng nào nhiệt độ dưới 200C.

Phân chia thành hai mùa mưa và khô.

Câu 22: Nguồn hải sản của nước ta bị suy giảm rõ rệt do

khai thác tài nguyên quá mức.

nước biển dâng, độ mặn giảm.

tăng cường việc nuôi trồng.

gia tăng mưa bão trên biển.

Câu 23: Nguyên nhân chủ yếu làm cho địa hình nước ta xâm thực mạnh ở đồi núi là

Địa hình dốc, mưa nhiều, cấu trúc nham thạch.

Địa hình tương đối bằng phẳng, mưa nhiều.

Địa hình thấp, mất lớp phủ thực vật.

Nền địa hình thấp trũng, mưa nhiều

Câu 24: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc nước ta là

hoạt động của gió mùa Tây Nam từ nửa cầu Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

địa hình và hoạt động của gió mùa Tây Nam từ nửa cầu Nam lên.

hoạt động của gió mùa Tây Nam từ vịnh Bengan và dải hội tụ nhiệt đới.

hoạt động của gió Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 25: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ gió ở trạm khí tượng TP. Hồ Chí Minh?

Gió hoạt động đều trong cả năm.

Gíó tháng 1 hoạt động mạnh nhất.

Gió tháng 7 hoạt động mạnh nhất.

Gió Tây khô nóng hoạt động mạnh.

Câu 26: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Hồng chảy theo hướng nào sau đây?

Tây bắc – đông nam.

Đông bắc – tây nam.

Tây nam – đông bắc.

Đông nam – tây bắc.

Câu 27:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cho bảng số liệu  DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG MỚI TẬP TRUNG PHÂN THEO LOẠI RỪNG  CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2019 (Đơn vị: Nghìn ha)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Năm | Rừng sản xuất | Rừng đặc dụng | Rừng phòng hộ | | 2010 | 225,9 | 4,6 | 31,1 | | 2012 | 217,0 | 1,8 | 18,5 | | 2014 | 227,4 | 1,5 | 25,0 | | 2019 | 256,5 | 1,4 | 11,1 |   Dựa vào bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng? |

Rừng sản xuất có xu hướng tăng.

Rừng đặc dụng tăng liên tục.

Rừng phòng hộ giảm liên tục.

Rừng phòng hộ tăng, giảm liên tục.

Câu 28:

|  |
| --- |
| Cho biểu đồ  CƠ CẤU SỬ DỤNG DẤT CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2019 (%)  IMG_256  (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)  Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long? |

Đất nông nghiệp đều chiếm tỉ trọng lớn nhất ở cả hai đồng bằng.

Tỉ trọng đất lâm nghiệp ở cả hai đồng bằng tương đương nhau.

Đất thổ cư đều chiếm tỉ trọng lớn nhất ở cả hai đồng bằng.

Đất lâm nghiệp ở cả hai đồng bằng đều chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

Câu 29:

|  |
| --- |
| Cho biểu đồ  NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CỦA HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  IMG_256  Dựa vào biểu đồ, nhận xét đúng là |

Nhiệt độ trung bình Hà Nội thấp hơn thành phố Hồ Chí Minh, tổng lượng mưa Hà Nộ ít hơn thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiệt độ trung bình Hà Nội cao hơn thành phố Hồ Chí Minh, tổng lượng mưa Hà Nộ ít hơn thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiệt độ trung bình Hà Nội thấp hơn thành phố Hồ Chí Minh, tổng lượng mưa Hà Nộ nhiều hơn thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiệt độ trung bình Hà Nội cao hơn thành phố Hồ Chí Minh, tổng lượng mưa Hà Nộ nhiều hơn thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 30:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cho bảng số liệu:  NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2019 TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM  (Đơn vị: 0C)   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tháng**  **Địa điểm** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** | | Hà Nội (*Láng*) | 18,0 | 22,4 | 22,6 | 27,5 | 28,2 | 31,6 | 31,4 | 29,9 | 29,5 | 26,7 | 23,5 | 19,6 | | Cà Mau | 27,0 | 27,4 | 28,6 | 29,9 | 29,5 | 28,5 | 28,2 | 27,6 | 27,9 | 27,9 | 27,8 | 26,5 |   (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)  Tính nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm của Cà Mau là |

28,060C và 3,40C.

29,90C và 1,50C.

26,50C và 3,40C.

28,060C và 1,50C.

Câu 31:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cho bảng số liệu  DIỆN TÍCH RỪNG VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Năm | Diện tích (triệu ha) | Độ che phủ (%) | | 1943 | 14,3 | 43,0 | | 1983 | 7,2 | 22,0 | | 2010 | 12,7 | 38,0 | | 2014 | 13,7 | 40,2 |   Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 1943-2014, chọn biểu đồ |

kết hợp cột và đường.

cột.

đường.

miền.

Câu 32:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cho bảng số liệu  GIÁ TRỊ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP PHÂN THEO NGÀNH NƯỚC TA NĂM 2005- 2010  (TỈ ĐỒNG)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | Tổng | Trồng và nuôi rừng | Khai thác lâm sản | Dịch vụ khác | | 2005 | 9495 | 1403 | 7550 | 542 | | 2010 | 18715 | 2711 | 14012 | 1992 |   Từ bảng số liệu trên, cơ cấu giá trị sản xuất lâm nghiệp phân theo ngành nước ta của ngành trồng và nuôi rừng năm 2005 và 2010 lần lượt là |

14,78% và 14,49%.

5,71% và 10,64%.

79,51% và 74,87%.

79,51% và 10,64%.

Câu 33: Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển ở nước ta là

Duyên hải Nam Trung Bộ.

Bắc Trung Bộ.

Nam Bộ.

Bắc Bộ.

Câu 34: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc nước ta mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa chủ yếu do

Vị trí đón gió mùa đông lạnh, có các cánh cung đón gió.

Vị trí đón gió mùa đông lạnh, có dãy núi cao nhất so cả nước.

Vị trí đón gió mùa đông lạnh, địa hình bằng phẳng.

Vị trí ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông lạnh.

Câu 35: Cơ sở phân chia các miền tự nhiên nước ta là

địa hình và khí hậu.

địa hình và cảnh quan.

cảnh quan và tài nguyên khoáng sản.

cảnh quan và khí hậu.

Câu 36: Phần phía Nam của lãnh thổ nước ta có nền nhiệt ẩm cao chủ yếu do tác động

Vị trí, bức xạ, hướng gió, dải hội tụ.

Vị trí, lượng mưa, bức xạ, hướng gió.

Vị trí, bức xạ, hướng gió, bốc hơi.

Vị trí, lượng mưa, bốc hơi, hướng gió.

Câu 37: Gió mùa Đông Bắc không xóa đi tính chất nhiệt đới của khí hậu và cảnh quan nước ta vì

Gió mùa Đông Bắc chỉ hoạt động từng đợt ở miền Bắc.

Gió mùa Đông Bắc hoạt động ở miền Bắc liên tục.

Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh ở miền Bắc.

Gió mùa Đông Bắc hoạt động liên tục ở đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 38: Nam Bộ có mùa khô rõ rệt do

Tác động kết hợp của vị trí và gió Tín phong.

Tác động kết hợp của địa hình và gió Tín phong.

Tác động kết hợp của vị trí và địa hình.

Tác động kết hợp của địa hình và gió mùa.

Câu 39: Gió mùa Tây Nam đến sớm đã làm cho khu vực Tây Bắc

có mùa hạ đến sớm hơn Đông Bắc.

có lượng mưa lớn nhất so cả nước.

có nền nhiệt độ cao nhất so cả nước.

có biên độ nhiệt lớn nhất so cả nước.

Câu 40: Sông ngòi miền Trung có

lũ lên nhanh, xuống nhanh.

lũ lên nhanh, xuống chậm.

lũ lên chậm, xuống nhanh.

lũ lên chậm, xuống chậm.

--------------hết-----------------